

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XỬ LÝ HÓA ĐƠN CÓ SAI SÓT VÀ HÓA ĐƠN PHẢN ÁNH GIẢM TRỪ DOANH THU

## *ABOUT HANDLING ERROR INVOICES AND INVOICES OF REVENUE DEDUCTION*

**Nguyễn Thị Chinh Lam**  
**Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông**

### ***Tóm tắt:***

Hóa đơn là một chứng từ quan trọng tại các đơn vị phản ánh nghiệp vụ mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Trong công tác quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kế toán, cơ quan quản lý có nhiều văn bản quy định nhằm kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị trong quá trình lập, sử dụng, lưu trữ hóa đơn. Tuy nhiên, trên thực tế có thể do nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan vấn đề sai phạm về hóa đơn vẫn xảy ra làm ảnh hưởng đến số liệu trên các báo cáo thuế và cũng làm ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế của các đơn vị tổ chức. Một trong những trường hợp cần quan tâm và có thêm những hướng dẫn cụ thể đó là vấn đề xử lý hóa đơn có sai sót và hóa đơn phản ánh nghiệp vụ giảm trừ doanh thu.

**Từ khóa:** hóa đơn, hóa đơn điện tử, xử lý hóa đơn có sai sót, giảm trừ doanh thu...

### ***Abstract:***

*Invoice is an important document at companies reflecting the transaction of buying and selling goods and providing services. In the government's management in the field of accounting, the management agency has many regulations to control and guide the companies in the process of making, using and storing invoices. However, in fact, it may be due to objective and subjective reasons that errors with invoices still occur, affecting the data on tax reports the determination of obligations tax. One of the cases that needs attention and specific instructions is the problem of handling invoices with errors and invoices reflecting revenue deduction.*

**Key words:** invoice, e- invoice; handling error invoice; revenue deduction

JEL Classifications: M20, M40, M49

DOI: <https://doi.org/10.59006/vnfa-jaa.07202314>

Hiện nay kế toán tại các đơn vị khi theo dõi, xử lý về các khoản giảm trừ doanh thu, lập và xử lý hóa đơn thực hiện theo các văn bản sau: Nghị định 123/2020/NĐ-CP; Thông tư 78/2021/TT-BTC; Công văn 4144/TCT-CS Tổng cục thuế; Thông tư 200/2014/TT-BTC; Thông tư 133/2016/TT-BTC. Nội dung cụ thể như sau:

- ***Xử lý hóa đơn sai sót***

*Tại điều 19 nghị định 123/2020/NĐ-CP có quy định về cách thức xử lý hóa đơn khi có sai sót như sau:*

1. Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu

số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế.

2. Trường hợp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua mà người mua hoặc người bán phát hiện có sai sót thì xử lý như sau:

a) Trường hợp có sai sót về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai sót thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn có sai sót và không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử có sai sót theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế có sai sót nêu trên chưa gửi dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế.

b) Trường hợp có sai: mã số thuế; sai sót về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng thì có thể lựa chọn một trong hai cách sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

b1) Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót. Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh cho hóa đơn đã lập có sai sót thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót.

Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

b2) Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử có sai sót trừ trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót.

Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập có sai sót sau đó người bán gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

c) Đối với ngành hàng không thì hóa đơn đổi, hoàn chứng từ vận chuyển hàng không được coi là hóa đơn điều chỉnh mà không cần có thông tin “Điều chỉnh tăng/giảm cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... ngày... tháng... năm”. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyển do đại lý xuất.

3. Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập có sai sót thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này để người bán kiểm tra sai sót.

Theo thời hạn thông báo ghi trên Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc kiểm tra hóa đơn điện tử đã lập có sai sót.

Hết thời hạn thông báo ghi trên Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB mà người bán không thông báo với cơ quan thuế thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo lần 2 cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB. Trường hợp quá thời hạn thông báo lần 2 ghi trên Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB mà người bán không có thông báo thì cơ quan thuế xem xét chuyển sang trường hợp kiểm tra về sử dụng hóa đơn điện tử.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan thuế thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý theo Mẫu số 01/TB-HĐSS Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này. Hóa đơn điện tử đã hủy không có giá trị sử dụng nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu.

- **Xử lý hóa đơn phản ánh giảm trừ doanh thu**

*Tại điều 81 thông tư 200/2014/TT-BTC có quy định hướng dẫn về hạch toán tài khoản 521 – giảm trừ doanh thu như sau:*

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

- Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

- Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

- + Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;

- + Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa

trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

- Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).

- Chi phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Đối với hàng bán bị trả lại, tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

• ***Các tình huống phát sinh liên quan đến hóa đơn sai sót và hóa đơn phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu:***

***Trường hợp 1:***

***Kế toán chưa phân biệt giữa hóa đơn sai sót và hóa đơn phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu***

Hóa đơn sai sót: nội dung hóa đơn sai sót cần được hiểu là nghiệp vụ mua bán hàng xảy ra đúng nhưng chứng từ phản ánh sai sót nên cần lập nội dung chứng từ/ hóa đơn điều chỉnh cho phù hợp

Ví dụ: nghiệp vụ bán hàng cho khách là mã hàng A (thực giao là mã hàng A) nhưng hóa đơn xuất cho khách ghi mã hàng B (hóa đơn có sai sót)

Các khoản giảm trừ doanh thu: nội dung giảm trừ doanh thu được hiểu là nghiệp vụ mua bán hàng diễn ra theo đúng thực tế, hóa đơn là công cụ chụp lại các sự kiện từ khi phát sinh doanh thu đến khi có các khoản giảm trừ doanh thu (hóa đơn không có chứa các yếu tố sai sót)

Ví dụ: đơn vị bán hàng vào tháng 12/2022 (đã xuất hóa đơn đúng với nội dung hàng giao cho khách) sau đó có sự kiện giảm trừ doanh thu vào tháng 01/2023 (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại) thì cần lập hóa đơn theo dòng sự kiện

Điều này làm ảnh hưởng đến việc kê khai:

Hóa đơn sai sót: luôn phải khớp với nội dung nghiệp vụ (kể cả đầu vào và đầu ra)

Ví dụ: nghiệp vụ bán/mua hàng tháng 12/2022, hóa đơn lập tháng 12/2022 có sai sót, đến tháng 1/2023 phát hiện ra, kế toán bên bán lập hóa đơn điều chỉnh/ thay thế; cả 2 bên bán và mua dùng hóa đơn điều chỉnh/ thay thế kê khai bổ sung cho kỳ tháng 12/2022

Các khoản giảm trừ doanh thu: được kê khai khớp theo trình tự thời gian nghiệp vụ và hóa đơn

Ví dụ: nghiệp vụ bán/mua hàng tháng 12/2022 (hóa đơn lập đúng), đến tháng 01/2023 bên mua hoàn trả lại hàng, kế toán lập hóa đơn phản ánh hàng hoàn trả, kê khai hóa đơn này vào tháng 01/2023

### **Trường hợp 2:**

#### **Chưa có quy định rõ ràng bên bán hay bên mua lập hóa đơn hàng bị hoàn trả:**

Tại điều 4/ nghị định 123/2020/NĐ-CP. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hoá dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hoá)

Quy định cũ (đã hết hiệu lực) theo Thông tư 39/2014/TT-BTC có phụ lục 04 quy định rõ các trường hợp xuất hóa đơn, có nêu: Khi có hàng bán bị trả lại bên mua sẽ xuất hóa đơn hoàn trả, theo thói quen kinh nghiệm hầu như khi xuất hàng trả lại bên bán thì việc xuất hóa đơn thuộc về bên mua

Nếu quy định hóa đơn hàng bán bị trả lại thuộc bên bán có thể xảy ra các vấn đề sau:

Bên bán có thể lập hóa đơn hàng trả lại hoặc không, bên mua không thể trả lại hàng để giảm trừ công nợ

Với hóa đơn hàng bán bị trả lại không thuộc nội dung sai sót trên hóa đơn này không có nội dung “điều chỉnh cho hóa đơn số ...”) nên có thể bên mua sẽ không kê khai hóa đơn nhận từ bên bán mà vẫn giữ nguyên hóa đơn mua bán ban đầu để kê khai lấy VAT đầu vào và chi phí

### **Trường hợp 3:**

Tại điều 19 nghị định 123/2020/NĐ-CP có hướng dẫn các hình thức xử lý hóa đơn sai sót:

Nếu lựa chọn hình thức xuất hóa đơn điều chỉnh: Hóa đơn điều chỉnh + hóa đơn gốc = thông tin đúng của nghiệp vụ

Nếu lựa chọn hình thức thay thế: Hóa đơn thay thế = thông tin đúng của nghiệp vụ; hóa đơn gốc sai không còn có giá trị

Hủy hóa đơn: Hóa đơn đã lập, ký nhưng chưa gửi khách hàng

Ví dụ đơn vị bán hàng khi xuất hóa đơn đã ghi nhận thông tin cho khách hàng là công ty A, sau đó phát hiện sai tên khách hàng và áp dụng phương pháp là xuất hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh sẽ điền thông tin khách hàng là công ty B. Với tình huống này có thể xảy ra tình huống sai phạm như sau: Công ty A nhận hóa đơn gốc và vẫn kê khai để lấy VAT đầu vào và chi phí (hóa đơn gốc không có nội dung thể hiện đã bị can thiệp điều chỉnh hay thay thế), bên cạnh đó phía công ty B sẽ lấy hóa đơn gốc và hóa đơn điều chỉnh kê khai để lấy VAT đầu vào và chi phí.

Hiện nay chưa có cách kiểm soát bên bán trong việc tự hủy, điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã phát hành: Tại điều 19 nghị định 123/2020/NĐ-CP sau khi hóa đơn phát hành và được gửi đến khách hàng thì những sửa chữa, can thiệp vào hóa đơn cần có sự thống nhất của bên khách hàng. Tuy nhiên, trên thực tế có những trường hợp người bán tự ý hủy hóa đơn, điều chỉnh hóa đơn mà không thông báo cho khách hàng. Trên thực tế có nhiều đơn vị khách hàng bị rơi vào tình trạng khi mua bán hàng hóa dịch vụ đã nhận hóa đơn phản ánh và sử dụng hóa đơn này để kê khai, ghi sổ. Nhưng sau một thời gian khi tra cứu lại thì hóa đơn này đã bị hủy hoặc nhận được hóa đơn thay thế, điều chỉnh mà chưa có sự đồng thuận phía khách hàng, không nêu lý do cho khách hàng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến số liệu kê khai của đơn vị thậm chí còn ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế của đơn vị trong kỳ. Ví dụ, đơn vị nhận hóa đơn GTGT có tiền hàng 100 triệu, tiền thuế 10 triệu và tiến hành kê khai, trạng thái tờ khai đơn vị còn được khấu trừ thuế là 8 triệu (chỉ tiêu 43 trên tờ khai 01 GTGT)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21]	<input type="checkbox"/>	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22]		10.000.000
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 500.000.000	[24] 45.000.000
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a] 0	[24a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này		[25] 43.000.000
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng [26]	0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng $([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]); [28]=[31]+[33]$ [27]	450.000.000	[28] 45.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% [29]	0	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% [30]	0	[31] 0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% [32]	450.000.000	[33] 45.000.000
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế [32a]	0	
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra $([34]=[26]+[27]; [35]=[28])$ [34]	450.000.000	[35] 45.000.000
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ $([36]=[35]-[25])$ [36]		2.000.000
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm [37]		0
2	Điều chỉnh tăng [38]		0
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ [39a]		0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ $([40a]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) \geq 0)$ [40a]		0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế $([40b] \leq [40a])$ [40b]		0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ $([40]=[40a]-[40b])$ [40]		0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này $([41]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) \leq 0)$ [41]		8.000.000
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn $([42] \leq [41])$ [42]		0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau $([43]=[41]-[42])$ [43]		8.000.000

Sau một khoảng thời gian, bên bán đã tự hủy hóa đơn (có thể do bên mua chậm thanh toán tiền hàng), điều này bắt buộc bên mua phải lập tờ khai bổ sung và kết quả trạng thái đã thay đổi hoàn toàn từ đang được khấu trừ thuế sang phải nộp thuế 2 triệu (chỉ tiêu 40 của tờ khai 01GTGT), ngoài ra còn phát sinh lãi chậm nộp thuế

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
<b>A</b>	<b>Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")</b>	[21]	<input type="checkbox"/>
<b>B</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang</b>		[22] 10.000.000
<b>C</b>	<b>Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước</b>		
<b>I</b>	<b>Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ</b>		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 400.000.000	[24] 35.000.000
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a] 0	[24a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này		[25] 33.000.000
<b>II</b>	<b>Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ</b>		
1	<b>Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng</b>	[26] 0	
2	<b>Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng (([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]); [28]=[31]+[33])</b>	[27] 450.000.000	[28] 45.000.000
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29] 0	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30] 0	[31] 0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 450.000.000	[33] 45.000.000
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a] 0	
3	<b>Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra (([34]=[26]+[27]); [35]=[28])</b>	[34] 450.000.000	[35] 45.000.000
<b>III</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ (([36]=[35]-[25])</b>		[36] 12.000.000
<b>IV</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước</b>		
1	Điều chỉnh giảm		[37] 0
2	Điều chỉnh tăng		[38] 0
<b>V</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ</b>		[39a] 0
<b>VI</b>	<b>Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:</b>		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (([40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≥ 0)		[40a] 2.000.000
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế (([40b] ≤ [40a])		[40b] 0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ (([40]=[40a]-[40b])		[40] 2.000.000
4	<b>Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này {([41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≤ 0}</b>		[41] 0
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn (([42] ≤ [41])		[42] 0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau (([43]=[41]-[42])		[43] 0

Khi xảy ra tình trạng trên bên mua cũng lúng túng chưa rõ cần báo cáo đến đơn vị quản lý thuế nào trong trường hợp bên mua và bên bán thuộc hai đơn vị quản lý thuế khác nhau.

Việc tự ý hủy hóa đơn cũng có thể được sử dụng là cách thức bên bán điều chỉnh nghĩa vụ thuế. Khi đơn vị bán hàng cho cá nhân theo quy định khách hàng không cung cấp thông tin nhưng bên bán vẫn phải xuất hóa đơn ghi nhận giao dịch. Trong kỳ kê toán khi cân đối số thuế đầu ra đang lớn hơn so với đầu vào được khấu trừ dẫn đến kỳ kê khai đơn vị phải nộp thuế GTGT, đơn vị sẽ sử dụng các nghiệp vụ bán hàng cho cá nhân không ghi thông tin khách hàng để ghi nhận hàng bán bị trả lại, từ đó sẽ điều chỉnh nghĩa vụ thuế của đơn vị. Điều này khi kiểm tra xác minh cũng gặp nhiều khó khăn khi không có thông tin của khách hàng rõ ràng.

- **Một số kiến nghị, trao đổi:**

Để hạn chế những vấn đề phát sinh khi xử lý hóa đơn sai sót và hóa đơn phản ánh nghiệp vụ giảm trừ doanh thu, cơ quan quản lý Nhà nước cần xem xét đến những kiến nghị sau:

Cần bổ sung nội dung hướng dẫn chi tiết xuất hóa đơn các trường hợp giảm trừ doanh thu (cách thức chi tiết như phụ lục 04 của thông tư 39/2014/TT-BTC), trong đó với từng trường hợp quy định bên bán hay bên mua xuất hóa đơn phản ánh, do đặc điểm kế toán là nghề nghiệp thực hành thực tế nên các quy định càng rõ ràng, thống nhất thì người làm kế toán càng dễ tiếp thu và vận dụng vào công việc.

Quy định rõ với trường hợp hóa đơn sai mã số thuế thì không cho phép sử dụng hình thức xử lý xuất hóa đơn điều chỉnh, bắt buộc phải xuất hóa đơn thay thế để hạn chế sai phạm sử dụng hóa đơn gốc và hóa đơn điều chỉnh tại đơn vị mua ban đầu và đơn vị điều chỉnh.

Với trường hợp hàng bán bị trả lại thuộc đối tượng khách hàng là cá nhân, khi ghi nhận nghiệp vụ bên bán cần thu thập các thông tin có thể xác minh cho nội dung: căn cước công dân, số điện thoại, địa chỉ, email.

Bổ sung trong quy trình kỹ thuật khi khai thác các nghiệp vụ hủy, thay thế, điều chỉnh hóa đơn từ bên bán cần có sự can thiệp cho phép từ phía bên mua nhằm hỗ trợ bên mua trong việc chủ động kiểm soát các hóa đơn từ bên bán

Cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường giám sát các nhà cung cấp hóa đơn điện tử trong khâu cung cấp dịch vụ, tránh hiện tượng do sự cạnh tranh các nhà cung cấp hóa đơn điện tử sẽ có những can thiệp kỹ thuật dẫn đến các vi phạm về quản lý hóa đơn.

### **Kết luận**

Đáp ứng với sự phát triển của nền kinh tế, những người làm kế toán tại các doanh nghiệp đã có những thay đổi về nhận thức và tư duy, họ đã không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ, cập nhật thường xuyên những chính sách, văn bản mới trong lĩnh vực. Điều này sẽ có tác dụng rất lớn đến chất lượng thông tin trên các tờ khai thuế trong đó có tờ khai thuế giá trị gia tăng... Cơ quan thuế cũng đã có những thay đổi trong công tác quản lý thuế, tạo điều kiện cho người nộp thuế tiếp cận với các chính sách chế độ, hướng dẫn giải đáp cho người nộp thuế khi có nội dung mới. Tuy nhiên, do lĩnh vực thuế rất rộng, đa dạng kết hợp với sự đa dạng phong phú của loại hình kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nên nhiều nội dung vẫn tạo nên những ý kiến hiểu khác nhau. Các văn bản thuế khi ban hành và áp dụng vào thực tế cần hướng dẫn chi tiết, bao quát, đầy đủ, tránh hiện tượng phải ban hành nhiều lần văn bản bổ sung, công văn hướng dẫn hoặc gây hiểu nhầm theo nhiều hướng khác nhau.

#### **Tài liệu tham khảo:**

Luật thuế giá trị gia tăng

Nghị định 123/2020/NĐ-CP

Thông tư 78/2021/TT-BTC

Thông tư 200/2014/TT-BTC

Thông tư 133/2016/TT-BTC